

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**



CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN | 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 7 - 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 9 - 22 |



CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|-------------------------|--|
| Ông Lee Jae Eun | Chủ tịch |
| Ông Park Soon O | Ủy viên |
| Ông Cho Yong Hwan | Ủy viên |
| Ông Lee Je Won | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Văn Đào | Ủy viên |
| Ông Trương Tuấn Nghĩa | Ủy viên |
| Bà Lê Thị Thu Hiền | Ủy viên |
| Ông Jean-Eric Jacquemin | Ủy viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 06 năm 2010) |

Ban Giám đốc

| | |
|--------------------|--------------------------------|
| Ông Lee Jae Eun | Tổng Giám đốc |
| Ông Park Soon O | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Cho Yong Hwan | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Kwon Sung Ha | Giám đốc Tài chính |
| Ông Lim Jin Taek | Giám đốc Bán hàng |
| Ông Nguyễn Văn Đào | Giám đốc Hành chính - Nhân sự |
| Ông Lee Je Won | Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



The image shows a red circular stamp with the text "S.G.C.N.011033000055-D.T.N. NG" around the top edge, "CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM" in the center, and "H. GIA LÂM TP. HÀ NỘI" around the bottom edge. A blue ink signature is written over the stamp.

Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2011



Số: 328 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 22. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán ngày 29 tháng 3 năm 2010 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 của phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá trong năm. Tuy nhiên, Công ty không tiến hành điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Ban Giám đốc đánh giá ảnh hưởng do khác biệt trong chính sách kế toán là không trọng yếu.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Kiểm toán. Tư vấn Thuế. Tư vấn Tài chính. Tư vấn Giải pháp.

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1291/KTV

Thành viên
Deloitte Touche Tohmatsu Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2010 | 31/12/2009 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150) | 100 | | 519.011.533.323 | 321.013.540.809 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 194.842.160.358 | 130.783.252.864 |
| 1. Tiền | 111 | | 10.987.185.634 | 8.995.528.225 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 183.854.974.724 | 121.787.724.639 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 84.998.020.014 | 54.517.876.781 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 59.749.449.623 | 48.103.042.260 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 23.060.586.543 | 9.065.726.564 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | | 5.444.254.011 | 3.221.448.470 |
| 4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (3.256.270.163) | (5.872.340.513) |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 6 | 224.724.804.429 | 131.839.193.255 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 224.724.804.429 | 131.839.193.255 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 14.446.548.522 | 3.873.217.909 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 4.065.123.131 | 1.874.600.638 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 7.125.786.682 | 153.752.450 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 150.000.000 | 264.669.009 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 3.105.638.709 | 1.580.195.812 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260) | 200 | | 150.466.250.952 | 95.760.079.350 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 139.670.662.306 | 89.974.802.402 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 7 | 116.336.316.374 | 64.806.717.603 |
| - Nguyên giá | 222 | | 214.814.173.272 | 154.265.228.802 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (98.477.856.898) | (89.458.511.199) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 8 | 23.334.345.932 | 20.873.989.767 |
| - Nguyên giá | 228 | | 37.183.200.761 | 32.376.298.196 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (13.848.854.829) | (11.502.308.429) |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | | - | 4.294.095.032 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 4.023.200.000 | 693.200.000 |
| 1. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 9 | 4.023.200.000 | 693.200.000 |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 6.772.388.646 | 5.092.076.948 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 5.629.065.549 | 4.567.245.433 |
| 2. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 1.143.323.097 | 524.831.515 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 669.477.784.275 | 416.773.620.159 |

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2010 | 31/12/2009 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 94.780.127.917 | 80.700.413.332 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 92.197.723.416 | 80.610.069.386 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 10 | 900.000.000 | 1.260.500.000 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 26.266.011.001 | 21.423.316.501 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 3.057.352.309 | 1.148.383.373 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 11 | 35.132.525.246 | 29.178.205.581 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 9.586.759.787 | 4.935.189.220 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | 340.509.115 | 1.603.898.956 |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 12 | 2.514.565.958 | 21.060.575.755 |
| 8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 318 | 13 | 14.400.000.000 | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 2.582.404.501 | 90.343.946 |
| 1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 2.582.404.501 | 90.343.946 |
| B. NGUỒN VỐN (400=410) | 400 | 14 | 573.577.804.137 | 334.795.755.213 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 573.577.804.137 | 334.795.755.213 |
| 1. Vốn điều lệ | 411 | | 153.279.960.000 | 107.200.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 191.000.000.000 | 71.000.000.000 |
| 3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | 1.148.026.429 |
| 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | 3.501.804.790 | - |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 225.796.039.347 | 155.447.728.784 |
| C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | | 1.119.852.221 | 1.277.451.614 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439) | 440 | | 669.477.784.275 | 416.773.620.159 |



Lee Jaq Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2011

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 2010 | 2009 |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | | |
| 1 Doanh thu bán hàng | 01 | 15 | 563.990.718.535 | 424.191.970.851 |
| 2 Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 466.387.921 | 501.490.057 |
| 3 Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02) | 10 | 15 | 563.524.330.614 | 423.690.480.794 |
| 4 Giá vốn hàng bán | 11 | 16 | 326.616.893.403 | 246.275.367.972 |
| 5 Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11) | 20 | | 236.907.437.211 | 177.415.112.822 |
| 6 Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 17 | 23.221.202.559 | 9.823.851.490 |
| 7 Chi phí tài chính | 22 | 18 | 15.438.643.285 | 9.006.180.705 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 252.479.681 | 245.458.936 |
| 8 Chi phí bán hàng | 24 | | 49.599.800.515 | 33.905.621.180 |
| 9 Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 67.405.012.121 | 34.740.210.269 |
| 10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25)) | 30 | | 127.685.183.849 | 109.586.952.158 |
| 11 Thu nhập khác | 31 | | 3.025.393.272 | 1.954.751.229 |
| 12 Chi phí khác | 32 | | 907.229.476 | 2.282.916.202 |
| 13 Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32) | 40 | | 2.118.163.796 | (328.164.973) |
| 14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 129.803.347.645 | 109.258.787.185 |
| 15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 19 | 27.320.074.341 | 24.095.792.014 |
| 16 Lợi nhuận thuần sau thuế (60=50-51) | 60 | | 102.483.273.304 | 85.162.995.171 |
| 17 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | 263.841.337 | (430.798.078) |
| 18 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ (62= 60-61) | 62 | | 102.219.431.967 | 85.593.793.249 |
| 19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 20 | 7.474 | 7.719 |

Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2011

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | 2010 | 2009 |
|---|-------|-------------------------|-------------------------|
| | | | |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 129.803.347.645 | 109.258.787.185 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 11.502.779.292 | 9.886.552.769 |
| Các khoản dự phòng | 03 | (2.616.070.350) | - |
| (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | (810.373.066) | 3.837.412 |
| (Lãi) từ hoạt động đầu tư | 05 | (15.546.636.166) | (4.670.307.555) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 252.479.681 | 245.458.936 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 122.585.527.036 | 114.724.328.747 |
| (Tăng) các khoản phải thu | 09 | (34.506.181.843) | (11.484.347.785) |
| (Tăng) hàng tồn kho | 10 | (93.402.209.638) | (56.799.823.904) |
| Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 2.891.636.153 | 5.614.597.487 |
| (Tăng) chi phí trả trước và tài sản khác | 12 | (3.870.834.191) | (1.246.555.395) |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (252.479.681) | (271.306.936) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (21.776.902.298) | (11.708.181.693) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 10.921.895.630 | 27.820.000 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (1.680.141.582) | (3.269.386.091) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (19.089.690.414) | 35.587.144.430 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang | 21 | (68.972.343.347) | (16.913.526.074) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 22 | 389.710.700 | 587.455.731 |
| 3. Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn | 23 | (562.868.807.229) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 562.868.807.229 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 25 | (2.421.359.513) | - |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia | 27 | 15.507.040.597 | 4.082.851.824 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (55.496.951.563) | (12.243.218.519) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ nhận vốn góp của các cổ đông | 31 | 150.000.000.000 | 90.000.000.000 |
| 2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 21.426.915.895 | 11.428.380.435 |
| 3. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (21.787.415.895) | (13.807.958.212) |
| 4. Cổ tức đã trả cho cổ đông | 36 | (10.392.040.000) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 139.247.460.000 | 87.620.422.223 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 64.660.818.023 | 110.964.348.134 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 130.783.252.864 | 19.951.750.456 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (601.910.529) | (132.845.726) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 194.842.160.358 | 130.783.252.864 |

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 3.330.000.000 VND (năm 2009 là 0 VND), là số tiền dùng để mua tài sản cố định trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Lee Jae Bun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2011

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Everpia Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 0111033000055, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2007 và các chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Công ty có thời hạn hoạt động là 40 năm kể từ ngày 04 tháng 09 năm 2003.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.032 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 450).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 051033000003 ngày 30 tháng 07 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp với vốn điều lệ là 9.600.000.000 VND, số vốn thực góp của các cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 4.125.000.000 VND. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là sản xuất các loại nệm và các sản phẩm liên quan, nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất nệm và các sản phẩm liên quan. Theo Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 58% tổng số vốn điều lệ của công ty con này, tương đương 5.568.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số vốn Công ty thực góp vào công ty con này là 2.395.160.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chần, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

500 - C
S TY
H HỮU H
ITTE
NAM
TP. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | 2010 (số năm) |
|----------------------------|------------------|
| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 25 - 30 |
| Máy móc và thiết bị | 06 - 15 |
| Thiết bị văn phòng | 06 - 08 |
| Phương tiện vận tải | 09 - 10 |
| Tài sản cố định khác | 04 - 10 |

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị thương hiệu, kênh phân phối, phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác của Công ty. Tài sản cố định vô hình của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

| | 2010 (số năm) |
|----------------------|------------------|
| Thương hiệu | 20 |
| Kênh phân phối | 15 |
| Phần mềm máy tính | 04 |
| Tài sản vô hình khác | 10 |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Trong năm 2009, Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Nếu thực hiện điều chỉnh hồi tố trong chính sách kế toán liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái thì lợi nhuận sau thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ tăng lên 1.148.026.429 VND và khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm đi một số tương ứng. Công ty không tiến hành điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Ban Giám đốc tin tưởng rằng ảnh hưởng của việc khác biệt trong chính sách kế toán là không trọng yếu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000, Công văn số 4130/TCT-CS của Bộ Tài chính gửi Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 03 tháng 11 năm 2008 và Biên bản làm việc ngày 26 tháng 05 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ thời điểm Công ty bắt đầu kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm thứ bảy Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%.

Theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp ban hành ngày 3 tháng 6 năm 2008, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, hoạt động tài chính và hoạt động khác không thuộc đối tượng được ưu đãi và miễn giảm thuế. Các hoạt động này chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 do không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2010 VND | 31/12/2009 VND |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 309.803.568 | 205.017.928 |
| Tiền gửi ngân hàng | 10.677.382.066 | 8.790.510.297 |
| Các khoản tương đương tiền | 183.854.974.724 | 121.787.724.639 |
| | 194.842.160.358 | 130.783.252.864 |

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.

6. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2010 VND | 31/12/2009 VND |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Hàng mua đang đi đường | 1.425.944.332 | 4.646.022.048 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 132.533.785.216 | 81.531.560.705 |
| Công cụ, dụng cụ | - | 29.291.664 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 3.987.532.657 | 1.269.569.746 |
| Thành phẩm | 81.601.387.686 | 40.909.895.198 |
| Hàng hoá | 4.918.750.804 | 2.128.822.176 |
| Hàng gửi đi bán | 257.403.734 | 1.324.031.718 |
| | 224.724.804.429 | 131.839.193.255 |

0112-
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 EVERPIA VIỆT NAM
 01-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng và vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Thiết bị văn phòng VND | Phương tiện vận tải VND | Tài sản khác VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------|---------------------|------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2010 | 27.619.520.604 | 109.378.477.344 | 3.999.843.032 | 12.025.810.331 | 1.241.577.491 | 154.265.228.802 |
| Mua từ Viko (i) | 15.136.363.636 | 30.746.022.727 | - | - | - | 45.882.386.363 |
| Tăng khác trong năm | 115.272.036 | 11.560.617.308 | 1.552.373.798 | 991.626.371 | 850.526.189 | 15.070.415.702 |
| Giảm trong năm | - | 341.131.320 | - | - | 62.726.275 | 403.857.595 |
| Tại ngày 31/12/2010 | 42.871.156.276 | 151.343.986.059 | 5.552.216.830 | 13.017.436.702 | 2.029.377.405 | 214.814.173.272 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2010 | 16.160.524.298 | 67.800.786.482 | 3.195.859.174 | 1.939.233.116 | 362.108.129 | 89.458.511.199 |
| Trích vào chi phí trong năm | 1.012.202.669 | 6.274.832.718 | 963.536.576 | 410.535.459 | 400.764.796 | 9.061.872.218 |
| Giảm trong năm | - | 36.576.859 | - | - | 5.949.660 | 42.526.519 |
| Tại ngày 31/12/2010 | 17.172.726.967 | 74.039.042.341 | 4.159.395.750 | 2.349.768.575 | 756.923.265 | 98.477.856.898 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | |
| Tại ngày 31/12/2010 | 25.698.429.309 | 77.304.943.718 | 1.392.821.080 | 10.667.668.127 | 1.272.454.140 | 116.336.316.374 |
| Tại ngày 31/12/2009 | 11.458.996.306 | 41.577.690.862 | 803.983.858 | 10.086.577.215 | 879.469.362 | 64.806.717.603 |

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 với giá trị là 74.410.178.230 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 20.000.838.298 VND).

(i): Tài sản cố định tăng trong năm chủ yếu là từ Hợp đồng số 829/2009/MBTS ngày 22 tháng 12 năm 2009 và Hợp đồng số 921/2010/MBCTXD ngày 28 tháng 12 năm 2010 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa để mua lại máy móc, thiết bị và các công trình xây dựng gắn liền với quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Viko Glowin. Các tài sản này được Công ty TNHH Viko Glowin bàn giao cho Vietinbank để phát mãi tài sản thanh toán nợ vay. Tổng giá trị hai hợp đồng mua bán tài sản này là 2.500.000 USD và 3 tỷ VND đã bao gồm thuế và các nghĩa vụ tài chính khác, tương đương tổng giá trị bằng đồng Việt Nam đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng là 45.882.386.363 VND. Toàn bộ tài sản này đã được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Thương hiệu VND | Kênh phân phối VND | Phần mềm máy tính VND | Tài sản khác VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|--------------------|--------------------------|-----------------------------|---------------------|------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2010 | 23.494.500.000 | 7.831.500.000 | 113.298.710 | 936.999.486 | 32.376.298.196 |
| Tăng trong năm | - | - | 5.160.820.479 | 649.083.247 | 5.809.903.726 |
| Giảm trong năm | - | - | - | 1.003.001.161 | 1.003.001.161 |
| Tại ngày 31/12/2010 | 23.494.500.000 | 7.831.500.000 | 5.274.119.189 | 583.081.572 | 37.183.200.761 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2010 | 7.553.275.669 | 3.700.598.910 | 46.458.127 | 201.975.723 | 11.502.308.429 |
| Trích vào chi phí trong năm | 1.226.248.025 | 516.362.635 | 532.849.392 | 165.447.022 | 2.440.907.074 |
| Giảm trong năm | - | - | - | 94.360.674 | 94.360.674 |
| Tại ngày 31/12/2010 | 8.779.523.694 | 4.216.961.545 | 579.307.519 | 273.062.071 | 13.848.854.829 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 31/12/2010 | 14.714.976.306 | 3.614.538.455 | 4.694.811.670 | 310.019.501 | 23.334.345.932 |
| Tại ngày 31/12/2009 | 15.941.224.331 | 4.130.901.090 | 66.840.583 | 735.023.763 | 20.873.989.767 |

Thương hiệu và kênh phân phối được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh giá trị theo các hợp đồng chuyển nhượng giữa Công ty và Công ty TNHH Viko Glowin ngày 19 tháng 12 năm 2003 và ngày 30 tháng 06 năm 2005.

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác bao gồm khoản đầu tư kinh doanh cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 4.400 và giá trị là 1.023.000.000 VND.

Ngoài ra, ngày 08 tháng 10 năm 2010 Công ty ký hợp đồng nguyên tắc với các cổ đông chủ chốt của Công ty Cổ phần Hà Nội Motor về việc chuyển nhượng cổ phần. Tổng giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng là 30 tỷ VND. Công ty đã thực hiện đặt cọc 10% giá trị hợp đồng, tương đương 3 tỷ VND. Tuy nhiên, ngày 24 tháng 01 năm 2011, Công ty đã ký văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng với Văn phòng Luật sư ID-Gia Huy (là đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Hà Nội Motor theo hợp đồng ủy quyền ngày 10 tháng 1 năm 2011) và Công ty Cổ phần Hà Nội Motor đã chuyển trả lại tiền đặt cọc và tiền lãi phạt vào ngày 24 tháng 01 năm 2011; tổng số tiền chuyển trả là 3.324.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2010 | 31/12/2009 |
|-------------------|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH UWIN | - | 360.500.000 |
| Ông Lee Kyu Sung | 900.000.000 | 900.000.000 |
| | 900.000.000 | 1.260.500.000 |

Các khoản vay ngắn hạn đều không được đảm bảo.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2010 | 31/12/2009 |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | 1.232.761.553 | 3.033.243.294 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 1.484.199.215 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 30.456.922.399 | 24.913.750.356 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.903.678.979 | 1.231.211.931 |
| Các loại thuế khác | 54.963.100 | - |
| | 35.132.525.246 | 29.178.205.581 |

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Số dư các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm khoản phải trả cho Công ty TNHH KB Investments liên quan đến việc phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi với số tiền là 17.491.000.000 VND. Khoản phải trả này đã được Công ty thanh toán trong năm.

13. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 2 tháng 3 năm 2011, Công ty trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% lợi nhuận trước thuế của năm 2010 tương ứng với số tiền là 14.400.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010
đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

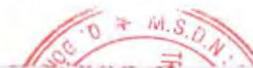
Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn điều lệ VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|---|------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|---|---|------------------------|
| Số dư tại ngày 01/01/2009 | 82.200.000.000 | 6.000.000.000 | - | 33.904.895 | 72.612.666.391 | 160.846.571.286 |
| Phát hành cổ phiếu mới | 25.000.000.000 | 65.000.000.000 | - | - | - | 90.000.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 85.593.793.249 | 85.593.793.249 |
| Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối | - | - | - | 2.545.558.023 | (2.545.558.023) | - |
| Tăng khác | - | - | 1.148.026.429 | - | - | 1.148.026.429 |
| Giảm khác | - | - | - | (2.579.462.918) | (213.172.833) | (2.792.635.751) |
| Số dư tại ngày 01/01/2010 | 107.200.000.000 | 71.000.000.000 | 1.148.026.429 | - | 155.447.728.784 | 334.795.755.213 |
| Phát hành cổ phiếu mới (iii) | 30.000.000.000 | 120.000.000.000 | - | - | - | 150.000.000.000 |
| Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối (i) | 16.079.960.000 | - | - | - | (16.079.960.000) | - |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 102.219.431.967 | 102.219.431.967 |
| Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối (i) | - | - | - | 4.484.454.789 | (4.484.454.789) | - |
| Cổ tức đã chia (ii) | - | - | - | - | (10.720.040.000) | (10.720.040.000) |
| Giảm khác | - | - | (1.148.026.429) | (982.649.999) | (586.666.615) | (2.717.343.043) |
| Số dư tại ngày 31/12/2010 | 153.279.960.000 | 191.000.000.000 | - | 3.501.804.790 | 225.796.039.347 | 573.577.804.137 |

(i) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 10 tháng 4 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty được phê duyệt tăng thêm 15% và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu sẽ tăng thêm 4.484.454.789 VND trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 10 tháng 4 năm 2010, Công ty quyết định chia cổ tức với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế của năm 2009. Công ty đã thanh toán cổ tức với số tiền 10.392.040.000 VND trong năm. Phần cổ tức còn lại với số tiền 328.000.000 VND chưa được thanh toán.

(iii) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông ngày 05 tháng 6 năm 2010, Công ty quyết định tăng vốn điều lệ bằng việc phát hành thêm 3.000.000 cổ phiếu cho một số đối tác chiến lược bao gồm: Red River Holdings Capital, Quỹ Thành viên Việt Nhật, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT, Công ty TNHH Đầu tư FC.



CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)*Vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 07 tháng 9 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 153.279.960.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được góp đủ bởi các cổ đông của Công ty như sau:

| Cổ đông | Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh | | | Vốn thực góp tại ngày 31/12/2010 | |
|---|--|-------------------|------------------------|----------------------------------|------------------------|
| | % | Số cổ phiếu | Số tiền VND | % | Số tiền VND |
| Ông Lee Jae Eun | 16,21% | 2.484.000 | 24.840.000.000 | 16,21% | 24.840.000.000 |
| Quỹ Đầu tư Red River Holdings | 12,48% | 1.913.000 | 19.130.000.000 | 12,48% | 19.130.000.000 |
| Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn | 9,16% | 1.404.150 | 14.041.500.000 | 9,16% | 14.041.500.000 |
| Quỹ thành viên Việt Nhật | 6,52% | 1.000.000 | 10.000.000.000 | 6,52% | 10.000.000.000 |
| Các cổ đông khác | 55,63% | 8.526.846 | 85.268.460.000 | 55,63% | 85.268.460.000 |
| | 100% | 15.327.996 | 153.279.960.000 | 100% | 153.279.960.000 |

15. DOANH THU

| | 2010 VND | 2009 VND |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu thành phẩm chăn ga, đệm | 396.785.269.697 | 326.468.500.464 |
| Doanh thu thành phẩm bông | 137.192.685.890 | 63.300.788.340 |
| Doanh thu chăn bông | 19.489.397.703 | 10.371.359.484 |
| Doanh thu bán hàng hóa khác | 10.523.365.245 | 24.051.322.563 |
| Tổng | 563.990.718.535 | 424.191.970.851 |
| Các khoản giảm trừ | 466.387.921 | 501.490.057 |
| <i>Hàng bán bị trả lại</i> | <i>466.387.921</i> | <i>501.490.057</i> |
| Doanh thu thuần | 563.524.330.614 | 423.690.480.794 |

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | 2010 VND | 2009 VND |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn thành phẩm chăn ga, đệm | 221.742.063.860 | 188.691.878.336 |
| Giá vốn thành phẩm bông | 86.857.982.202 | 35.944.599.494 |
| Giá vốn chăn bông | 11.248.746.059 | 5.944.756.704 |
| Giá vốn bán hàng hóa khác | 6.768.101.282 | 15.694.133.438 |
| | 326.616.893.403 | 246.275.367.972 |

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

| | 2010 | 2009 |
|--------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi | 15.483.056.542 | 4.082.851.824 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 6.892.572.951 | 5.740.999.666 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 810.373.066 | - |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 35.200.000 | - |
| | 23.221.202.559 | 9.823.851.490 |

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 2010 | 2009 |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 252.479.681 | 245.458.936 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 15.186.163.604 | 8.756.884.357 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 3.837.412 |
| | 15.438.643.285 | 9.006.180.705 |

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

| | 2010 | 2009 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 129.803.347.645 | 109.258.787.185 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 127.685.183.849 | 109.258.787.185 |
| Lợi nhuận từ hoạt động khác | 2.118.163.796 | - |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | 6.399.965.364 | 1.825.295.606 |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | 845.573.066 | - |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 35.200.000 | - |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 810.373.066 | - |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 7.245.538.430 | 1.825.295.606 |
| Thu nhập chịu thuế | 136.203.313.009 | 111.084.082.791 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh | 134.085.149.213 | 111.084.082.791 |
| Thu nhập chịu thuế từ hoạt động khác | 2.118.163.796 | - |
| Thuế suất đối với hoạt động kinh doanh | 20% | 20% |
| Thuế suất đối với hoạt động khác | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 27.320.074.341 | 22.422.273.950 |
| Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước | - | 1.673.518.064 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 27.320.074.341 | 24.095.792.014 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | <u>2010</u> | <u>2009</u> |
|---|-----------------|----------------|
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu: | | |
| Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND) | 102.219.431.967 | 85.593.793.249 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu) | 13.675.941 | 11.088.270 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 7.474 | 7.719 |
| Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND) | 10.000 | 10.000 |

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13, trong năm Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu thưởng này được coi như tăng từ đầu năm. Số lượng cổ phiếu bình quân cho năm 2009 cũng được điều chỉnh tương ứng.

21. CÁC KHOẢN CAM KẾT KHÁC

Ngày 29 tháng 10 năm 2010, Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) đã có thư đề nghị cung cấp tiện ích với giá trị 1.800.000 USD cho Công ty. Theo thư này, lãi suất của bất kỳ khoản vay nào được cấp theo tiện ích này bằng 2,25%/năm cộng chi phí vốn vay.

Ngày 10 tháng 11 năm 2010, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng số 088DN2367/HĐTD2-VIB11/10 với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Sở Giao dịch với hạn mức tín dụng 40 tỷ VND, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động.

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/11EVE-HĐHM-VCBCTX ngày 08 tháng 2 năm 2011 với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với hạn mức tín dụng 120 tỷ VND, mục đích sử dụng vốn là để bổ sung vốn lưu động, thanh toán tiền nhập khẩu hàng hóa và các chi phí hợp lý khác phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và các mục đích khác. Tài sản thế chấp, cầm cố là công trình xây dựng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 39.346.891.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

| | 2010 | 2009 |
|---------------------------------|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Lương gộp và các quyền lợi khác | 6.196.025.224 | 4.936.105.277 |

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2011



Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
